BẢN SẮC NAM BỘ QUA TỤC THỜ NỮ THẦN - NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỤC THỜ BÀ THỦY

Trần Thị An*

Tóm tắt: *Là một vị thần nữ được thờ cúng ở nhiều loại hình di tích với nhiều hình thức nghi lễ phong phú, tín ngưỡng thờ "bà Thủy" rất quen thuộc và gần gũi với cư dân Nam Bộ. Bài viết sẽ nhìn nhận sự phát triển của tín ngưỡng thờ "bà Thủy" trong lịch sử từ các góc độ danh xưng, truyện kể, nơi thờ tự, nghi thức hành lễ để chỉ ra hạt nhân cốt lõi của "tính bản sắc Nam Bộ" ở các khía cạnh "tính phi điển chế", "tính linh hoạt và tính mở", "tính gắn kết với nhu cầu đời sống tâm linh của người dân"; đồng thời, chỉ ra những biến đổi của tín ngưỡng này trong bối cảnh đương đại.*

Từ khóa: *Tín ngưỡng, bà Thủy, bản sắc, tính phi điển chế, tính linh hoạt.*

Trong tín ngưỡng các vị thần nữ ở nước ta, có lẽ khó có vị nào được thờ cúng ở các loại hình di tích đa dạng với các hình thức nghi lễ phong phú và sự thu nhận linh hoạt các biểu hiện của những tục thờ khác như trong tín ngưỡng thờ bà Thủy ở Nam Bộ. Các nghiên cứu của Ngô Đức Thịnh (1), Dương Hoàng Lộc (2), Nguyễn Thanh Lợi (3), Võ Thanh Bằng (4), Phan Thị Yến Tuyết (5) và các bộ địa chí của các địa phương Nam Bộ... đã có những thống kê cụ thể về các nơi thờ, nghi lễ thờ cúng, diễn xướng dân gian trong các lễ hội thờ vị nữ thủy thần này. Trong quan sát bước đầu của chúng tôi, đây vừa là một tín ngưỡng dân dã của người Việt trong buổi đầu mở cõi, có tính chất như một hiện tượng riêng biệt khẳng định bản sắc; lại vừa là một tín ngưỡng mở có khả năng kết nối với các hiện tượng tín ngưỡng khác trong thời gian, trong không gian, trong cộng đồng các dân tộc. Việc tập hợp tài liệu điền dã của bản thân và của các nhà nghiên cứu đi trước, trên cơ sở các lí thuyết về nhân học văn hóa sẽ giúp chúng tôi phân tích bản sắc của tục thờ bà Thủy ở Nam Bộ từ góc nhìn so sánh văn hóa học và nhân học văn hóa.

* PGS.TS, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

1. Bản chất nhiên thần và tính phi điển chế của cách thực hành tín ngưỡng

1.1. Lai lịch và hành trạng

Về danh xưng, bà Thủy được gọi bằng một số mỹ tự như Thủy Long thần nữ, Thủy Long Thánh Mẫu, Thủy đức Thánh Phi, Thủy Long nương nương, có khi lại được gọi bằng những danh xưng dân dã như bà Lớn (Vũng Tàu), bà Lớn Tướng (Phú Quốc), bà Thủy Tề (Quảng Nam - Đà Nẵng)... Một nét đặc trưng rõ nhất trong tục thờ bà Thủy ở Nam Bộ là việc vị thần nữ này không gắn với một truyện kể đã định hình tương đối như các vị nữ thủy thần được thờ cúng phổ biến ở Việt Nam (Tứ Vị Thánh Nương, Thiên Ya Na, Thiên Hậu) hay các vị thần nữ khác được thờ rộng rãi ở Nam Bộ như bà chúa Xứ, Linh Sơn Thánh Mẫu. Truyền ngôn về bà chủ yếu chỉ có các danh xưng, những danh xưng này liên quan đến các mẩu kể ngắn nguồn gốc hoặc bản chất của sự hình thành tục thờ bà.

Về nguồn gốc và bản chất bà Thủy đã được bàn đến nhiều. Cho đến nay, chung quy có ba thuyết: *thứ nhất*, cho rằng, bà là Thủy Đức Thánh Phi trong Ngũ hành nương nương

(6); *thứ hai*, tín ngưỡng thờ bà Thủy "xuất phát từ quan niệm thuần túy bản địa thờ cúng hai lực lượng luôn đe dọa con người , còn bà Ngũ Hành có xuất xứ ngoại lai , tín ngưỡng mang tính v ũ trụ nguyên sơ" (7); *thứ ba,* bà là một vị thần biển có danh hiệu, đã được nhà Nguyễn phong sắc là *Uông nhuận Dực bảo Trung hưng Trung đẳng thần* (8).

Tuy nhiên, dù khẳng định nguồn gốc của bà Thủy ở tư cách nào thì các nhà nghiên cứu đều thừa nhận rằng, ở nhiều di tích, tục thờ bà Thủy gắn với/hay tách ra từ tục thờ 5 vị thần nữ trong tục thờ Ngũ hành nương nương (bà Kim, bà Mộc, bà Thủy, bà Hỏa, bà Thổ); và càng phổ biến hơn khi nhân vật được thờ được nhà Nguyễn chính thức công nhận và sắc phong. Năm Duy Tân thứ năm (tức năm 1911), triều đình nhà Nguyễn sắc phong cho 5 bà là*: Tư hóa Mặc vận Thuận thành Hòa tự Tư nguyên Trang huy Dực bảo Trung hưng Thượng đẳng thần* (9). Về tín ngưỡng thờ Ngũ hành, Ngô Đức Thịnh viết: "Ngũ hành trong quan niệm dân gian liên quan tới mọi mặt của đời sống con người, không kể người làm những nghề nghiệp khác nhau, như ngư nghiệp, nông nghiệp, thủ công nghiệp, buôn bán; không kể cư dân sống ở ven biển, dọc sông hay vùng đất bán sơn địa. Tuy nhiên cũng phải thừa nhận rằng, những lăng miếu thờ hay phối thờ Bà Ngũ Hành thường tập trung ở ven biển, các lạch, cửa sông, vốn là nơi từ xa xưa, dù làm nghề đánh bắt cá hay trồng trọt thì cũng đều quy tụ ở những nơi này. Đặc biệt các làng làm nghề cá ven biển, nghề thủ công (làm muối, làm đường, làm gốm...). Người ta thờ Bà Ngũ Hành và cầu mong Bà phù hộ độ trì trong việc làm ăn, cầu sức khoẻ, cầu may mắn, tránh rủi ro, hoạn nạn... Ở Trung Bộ, ngoài thờ chung Bà Ngũ Hành ra, còn có hai Thần nữ được thờ riêng, đó là *Bà Thuỷ* hay *Thuỷ Long thần nữ* và *Bà Hoả*. Tuy nhiên, giữa hai Bà này thì việc thờ Bà Thuỷ Long vẫn phổ biến hơn" (10). Trên cơ sở tài liệu điền dã, Nguyễn Xuân Hương cũng cho rằng, ở Quảng Nam - Đà Nẵng, "bà Hỏa và bà Thủy thường được tách ra khỏi hệ thống Ngũ hành để thờ riêng" (11).

Có thể thấy rõ là, việc tách riêng bà Thủy ra thờ có nguyên nhân là, trong tục thờ Ngũ hành nương nương, có một nghi thức nổi trội được thực hành như điểm nhấn quan trọng là "tục rước nước". Một bài viết về nghi thức thờ cúng bà Ngũ Hành tại một ngôi miếu nhỏ nằm sâu trong con hẻm quận 1, thành phố Hồ Chí Minh mà tác giả cho biết đã "tồn tại gần tám mươi năm nay" đã miêu tả tục rước nước như sau: "Sáng sớm ngày 21, cả xóm đổ xô ra xem lễ rước nước. Một vị đi đầu tụng kinh cầu an, kế đó ông trưởng tế cung kính bưng chiếc bình đặt trên khay phủ khăn điều, một người cầm lọng che bình, ông nhạc công đàn nhị chậm rãi bước sau cùng kéo vĩ. Đám rước thong thả đi tới lộ, đến bờ sông chống xuống ra giữa rạch múc đầy bình nước. Khi quay về, ông thủ từ đứng đón sẵn tận ngoài cổng, trịnh trọng đón lấy bình nước đặt lên ban thờ. Nghi lễ từ xưa đáng lẽ phải tiến hành như vậy nhưng thực tế vài năm nay đã không còn duy trì. Con rạch bị ô nhiễm trầm trọng ngay cả lúc triều lên vẫn đen kịt. Tiếng là rước nước nhưng không còn ai ra giữa sông múc nước nữa mà lễ chỉ cử hành đến bờ sông rồi quay về, cũng không còn khăn đóng áo dài mà chỉ là quần tây, sơ mi, áo thung. Ông thủ từ cung kính đặt lên ban thờ mấy chai nước suối để thập phương muốn xin lấy khước thì thỉnh về". Người viết cũng đã lí giải: "Sở dĩ có lễ rước nước và "Bà Thủy" có phần quan trọng hơn các Bà khác vì Việt Nam từ xưa vốn là một nước nông nghiệp, lương thực chủ yếu là lúa nước, mùa màng bội thu hay thất bát đều phụ

thuộc vào mưa thuận gió hòa. Do đó cầu mưa thường không thể thiếu trong các lễ hội Kỳ Yên, Bà Thủy cũng chiếm phần quan trọng tại các khu vực gần sông rạch giao thông đường thủy" (12).

Có lẽ vì vậy mà bà Thủy đã được tách riêng để thờ và càng về sau, tính độc lập của tục thờ vị thần nữ này càng cao, cũng như tính phổ biến của nơi thờ, sự phong phú của nghi thức thờ, ảnh hưởng sâu đậm của tính thiêng của bà càng ngày càng rõ nét. Một khảo sát về tục thờ bà Thủy ở Cà Mau cho biết: "Ở những nơi cuộc sống gắn liền với biển thì bên cạnh việc thờ cúng Cá Ông (Nam Hải Đại tướng quân), ngư dân còn thờ Bà Thủy. Ở vùng sông nước Nam Bộ, trong tín ngưỡng dân gian Nam Bộ, bên cạnh việc thờ Rái Cá (Lang Lại Đại tướng quân) người dân địa phương cũng thờ Bà Thủy. Bà Thủy thường được thờ ở các ngã ba, ngã tư sông và các vàm sông với lòng kính trọng, tín ngưỡng là Bà Thủy sẽ độ trì cho dân làng, dân làm nghề chài lưới ra khơi vào lộng bình yên, làm ăn phát đạt. Người dân ở vùng sông nước tin tưởng Bà Thủy là vị nữ thần độ trì cho tất cả dân làng quanh vùng chứ không cho riêng ai nên miếu thờ Bà Thủy thường là của chung cộng đồng dân cư của một xóm làng" (13).

Tính phi lai lịch, hành trạng, tính nhiều gốc tích của bà Thủy, tính phổ biến của các di tích thờ bà và tính đa dạng của các đối tượng nhận được sự phù hộ của bà khiến bà vừa gần gũi vừa mơ hồ, rất khó nhận diện đủ đầy, khó khuôn bà vào một định nghĩa hay công thức nào đó. Ngô Đức Thịnh cũng đã cho rằng, khó mà phân định được bà Thủy và bà Hỏa ở Nam Bộ là nữ thần hay Mẫu thần theo quan niệm ba dạng thức thờ mẫu của ông; Phan Thị Yến Tuyết cũng cho rằng có sự "đan rối" các truyền thuyết khiến cho việc hiểu tín ngưỡng thờ Thủy Long là không dễ dàng (14). Tình trạng này càng thấy rõ hơn ở góc độ các di tích.

1.2. Nơi thờ tự

Như đã nói ở trên, dù được hình thành từ nguồn gốc nào thì cũng không thể không thấy rằng, ở Nam Bộ, bà Thủy được thờ phổ biến trong các miếu thờ Ngũ Hành nương nương. Do miếu thờ bà Ngũ Hành được dựng khắp nơi (theo Phạm Nga, trước ngày 30-4-1975, miếu Bà Ngũ Hành được cất, dựng rải rác, lớn/nhỏ đủ kiểu, liền kề nhau khắp các thôn ấp, đường phố, tư gia, được phối tự trong đình thờ thành hoàng, trong chùa thờ Phật. Có nơi, trong hai khu phố kề nhau, có tới bốn chỗ thờ Bà Ngũ Hành, một miếu ở mặt tiền đường và ba cái kia thì khuất trong ngõ hẽm, cách nhau chỉ chừng 500-600m) (15).

Bên cạnh đó, do "bà Thủy" được gắn với "nguồn nước" nên miếu thờ bà ở Nam Bộ xuất hiện ở nhiều nơi. Phan Thị Yến Tuyết có một lưu ý rất thú vị khi cho rằng, thoạt kỳ thủy, tục thờ bà Thủy là việc thờ vị "thần nước ngọt" của cư dân biển. Bà viết: "Tại Nam Bộ, tín ngưỡng thờ Thủy Long khá phổ biến, yếu tố "thủy" ở đây chỉ chung sông biển, giếng, ao, hồ... chứ không chỉ là biển. Tại Nam Bộ, những tỉnh có biển thường bị nước mặn xâm thực, cư dân vùng biển khan hiếm nước ngọt nên ở các ao làng chứa nước ngọt cho cả cộng đồng dân cư dùng chung đều có ngôi miếu nhỏ thờ bà Thủy" (16); Nguyễn Thanh Lợi cũng cho biết: ở Nam Bộ, bà Thủy là *Thủy Long Thánh Phi* được thờ ở các dạng: thần cai quản các nguồn suối, giếng nước, ao nước, hoặc thần cai quản sông nước (cù lao, hải đảo), thần phù hộ người đánh cá, người làm nghề thương hồ, người hành nghề đưa đò, chạy tàu trên sông, và đặc biệt đậm nét ở vùng ven biển, ven sông lớn (17). Riêng ở Phú Quốc, một hòn đảo trên biển, các dinh thờ bà Thủy/bà Thủy Long được tọa

lạc ở những nơi có địa thế đẹp ven biển, dễ dàng cho tàu/thuyền của ngư dân/hải dân/du khách ghé vào (dinh Bà Hàm Ninh, dinh bà Dương Đông, dinh bà Ông Lang) (*Nhật ký điền dã*, 2013).

Các khảo sát và các nghiên cứu lý thuyết về tín ngưỡng thờ cúng thần biển trên thế giới đã chỉ ra vị trí đặc biệt của các nơi thờ tự thần biển, đó thường là một sống đất nhô ra để tàu thuyền dễ ghé vào dừng chân trong những chuyến hải hành, một điểm cao dễ nhận thấy để có thể đánh dấu trong việc tìm đường, định vị hướng tàu/thuyền và việc tìm nước ngọt... Với đặc điểm dễ nhận thấy, những nơi thờ cúng các vị hải thần vừa đáp ứng nhu cầu tôn giáo vừa đáp ứng mục đích thực tiễn, nó như một chỉ dấu mang tính thực tiễn là đánh dấu điểm dừng chân cho các chuyến hải hành, đồng thời, nó là một địa danh mang tính thiêng nhằm dâng cúng cho các vị thần một sự tuân phục, một sự ngưỡng vọng và một sự hy vọng về sự phù trợ của các vị thần. Với tư cách là các vị thủy thần đa diện, đa năng (thần sông, thần biển, thần giếng nước, thần ao hồ), nơi thờ tự bà Thủy ở Nam Bộ vừa mang tính đặc biệt (giếng nước ngọt, ngã ba sông, phần đất nhô ra biển) vừa là các không gian hết sức đời thường (hẻm phố, ngõ thôn ấp, ngã ba đường/sông). Đây là một nét rất đặc biệt của tục thờ bà Thủy của cư dân Nam Bộ: không gian thiêng xen lẫn với không gian đời; tính thiêng và tính phàm không những không loại trừ mà còn đan quyện với nhau khó tách bạch.

Tuy nhiên, các khảo sát gần đây của Nguyễn Thanh Lợi, Võ Thanh Bằng đã chỉ ra rằng, có một xu hướng là các nơi thờ bà Thủy đang mở ra theo hướng biển; đồng thời, các nơi thờ bà Thủy ven biển đang có sự mở rộng và thu hút mạnh mẽ các yếu tố của truyền thuyết, lễ hội và nghi thức thờ cúng khác. Điều này sẽ được phân tích kỹ hơn trong phần 3.

1.3. Tính phi điển chế

Tên di tích, cách bài trí, mỹ tự

Một thực tế dễ nhận ra trong tục thờ bà Thủy là sự thiếu thống nhất ở tên gọi di tích (miễu, miếu, dinh, đền); danh xưng và cách bài trí ban thờ trong di tích.

Về di tích, có nơi thờ được đặt cái tên đơn giản là miếu (đặc điểm địa hình: miếu Nổi hay miếu Phù Châu - cù lao sông Vàm Thuận, thành phố Hồ Chí Minh), miếu/miễu bà (kèm theo địa danh như miếu Bà An Thạnh, miếu Bà An Thuận, miếu Bà Bình An - Bến Tre, miếu Bà Long Hải - Vũng Tàu), hay miếu bà Thủy (miếu bà Thủy Cái Đôi Vàm - Cà Mau), miếu bà Thủy Long (Đông Hải, Bạc Liêu), miếu bà Thủy Long (ấp Thanh Tùng, Đầm Dơi, Cà Mau); có nơi gọi là dinh Bà (kèm theo địa danh như Dinh Bà Hàm Ninh, dinh Bà Ông Lang - Phú Quốc), có nơi gọi là dinh Bà Thủy Long Thánh Mẫu (hay dinh Bà Dương Đông - Phú Quốc), có nơi gọi là Thủy Tề Chúa Xứ Cổ miếu (thành phố Bạc Liêu)...

Về danh xưng, trong các bài vị, bà được tôn xưng là "Thủy Long Thánh Mẫu Thiên Nương chi thần vị"; trong văn tế bà được tôn xưng là "Thủy Long thần nữ", "Thủy Đức Nương Nương", "Hạ Động Thủy Long Thần Nữ Thánh Nương Nương" (theo Dương Hoàng Lộc, Nguyễn Thanh Lợi, tài liệu đã dẫn).

Về cách bài trí ban thờ, có khi bà Thủy được thờ ở một ban thờ trong miếu Ngũ Hành nương nương cùng với 4 ban thờ khác, có khi lại được thờ ở một ban riêng ở đình (đình Tân Thạnh, Châu Thành, Bến Tre), có khi được thờ ở một miếu riêng biệt (miếu Bà Lớn, Vũng Tàu), trong một miếu riêng trong khuôn

viên đình (đình Thắng Tam, Bà Rịa - Vũng Tàu), hay một dinh riêng (dinh Bà ở Phú Quốc). Ban thờ bà Thủy phần nhiều chỉ có linh vị, nhưng có một số ban thờ lại có cốt tượng (miếu Bà ở An Thạnh, huyện An Tri, tỉnh Bến Tre (18); dinh Bà Hàm Ninh, Phú Quốc (tài liệu điền dã của Trần Thị An); có nơi lại có cả pho tượng lớn như ở Chúa Xứ Thủy Tề cổ miếu ở Bạc Liêu (19).

Sắc phong

Khác với các di tích thờ nữ hải thần ở miền Bắc (Tứ vị Thánh Nương), miền Trung (Thiên Ya Na) và các di tích thờ Thủy Long thần nữ ở Trung Bộ, các di tích thờ bà Thủy ở Nam Bộ hầu như không có sắc phong. Nguyễn Thanh Lợi đã thống kê và chỉ rõ trong bài viết năm 2013 là, theo các thống kê hiện nay, chỉ mới có bà Thủy Long ở miếu Ngũ Hành (Vũng Tàu) là nhận được sắc phong của nhà vua. Các tác giả cuốn *Địa chí Bà Rịa - Vũng Tàu* cho biết: trong khuôn viên ngôi đình Thắng Tam có 3 di tích: đình Thắng Tam, miếu Bà Ngũ Hành và lăng Ông Nam Hải. Bà Thủy Long được thờ ở chánh điện miếu Ngũ Hành và được 3 sắc phong của vua Thiệu Trị và Tự Đức (20). Ngoài 3 sắc phong ở ngôi miếu này, bà Thủy thường xuất hiện nhiều ở các linh vị trong miếu, trên thuyền và trong các bài văn tế.

Điền dã của chúng tôi ở Phú Quốc năm 2013 đặc biệt chú ý đến một tấm liễn nhỏ bằng gỗ khắc chữ *Tâm* ở dinh bà Thủy (Hàm Ninh). Dòng lạc khoản hai bên ghi là: *Quang Tự, Quý Mão niên, quý xuân nguyệt, cát đán, Hải Nam tín phàm Hoàng Ứng Tinh, Khánh Vân, Đắc Lan, Quách Viễn Phiên đồng kính phụng* (có nghĩa là: Ngày tốt đầu tháng Ba năm Quý Mão, niên hiệu Quang Tự (1903), tín chủ là người phàm trần ở Hải Nam là Hoàng Ứng Tinh, Hoàng Khánh Vân, Hoàng Đắc Lan và Quách Viễn Phiên cùng kính thờ). Thông tin này cho biết: đây là tấm liễn do những người ở đảo Hải Nam ghé lên bờ cúng bà. Có thể đây là những người làm ăn hoặc đi lại trên biển (theo lời người dân kể là dinh Bà trước đây nằm sát bờ biển), trên đường đi đã lên cúng ở dinh Bà, do được bà phù hộ nên đã trở lại lễ tạ. Nếu đúng là như vậy thì có thể thấy rằng, dinh Bà Hàm Ninh đã nổi tiếng là một địa chỉ thiêng ít nhất vào cuối thế kỷ XIX. Và như vậy là, dù được thờ cúng hàng trăm năm thì tín ngưỡng thờ bà vẫn chủ yếu được tưởng vọng một cách mạnh mẽ trong đời sống tâm linh của người dân, chứ không được mô hình hóa thành các truyện kể theo các công thức truyền thuyết/thần tích hay điển chế hóa ở các sắc phong.

Tình trạng phong phú về tên gọi di tích, đa dạng về cách bài trí trong di tích, ít sắc phong ở các di tích thờ bà Thủy và việc thiếu truyện kể về lai lịch và hành trạng của bà đã cho thấy sự đậm đà của tính dân dã trong tục thờ bà. Có thể thấy ở đây sức mạnh của tính hồn nhiên của người Nam Bộ trên vùng đất mới; tục thờ này dù được hình thành từ lâu, được phổ biến rộng khắp nhưng đã không bị áp lực của điển chế Nho giáo, của xu hướng lịch sử hóa, nhân thần hóa, mô hình hóa (thành các thần tích) khá phổ biến ở miền Bắc và miền Trung. Chính vì vậy, tục thờ này thể hiện một cách đậm nét bản sắc của văn hóa tín ngưỡng Nam Bộ trong bức tranh chung của văn hóa tín ngưỡng Việt Nam.

2. Tính gắn kết với các nhu cầu của đời sống tâm linh của người Nam Bộ

2.1. Bà Thủy và sự phù hộ ngư dân hoạt động trên sông và trên biển

Như đã nói ở trên, theo điều tra khảo sát của Đinh Văn Hạnh, Nguyễn Thanh Lợi, Võ

Thanh Bằng, Dương Hoàng Lộc và nhiều tác giả khác, các di tích thờ bà Thủy được lập ven các giếng nước, ao hồ, sông suối và ven biển. Tuy nhiên, qua quy mô di tích, qua các nghi thức thờ cúng và lễ hội, có thể thấy, tín ngưỡng thờ bà Thủy đậm đà nhất đối với ngư dân. Niềm tin tưởng và thành kính đối với bà sâu đậm đến mức đã trở thành thành ngữ: "Trúng độc đắc của bà Thủy Long" trong cách ví von của ngư dân ở đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang về sự may mắn khi họ gặp được luồng cá quý trong các chuyến ra khơi.

Điều này cho thấy phạm vi rộng rãi của sự phù hộ của bà trong niềm tin tưởng của người dân. Trong các nghiên cứu về nhân học biển, công trình có giá trị khởi xướng của Malinowski (21) về sự phân biệt mật độ nghi lễ giữa những người hoạt động ở vùng biển kín (vùng nước lặng ăn toàn) và vùng biển khơi nguy hiểm (mà dân gian thường gọi là ra khơi vào lộng) được nhiều nhà nghiên cứu hưởng ứng. Theo Malinowski, những người ra khơi, do đối mặt với nhiều rủi ro, hiểm họa trên biển nhiều hơn, đã tiến hành nhiều nghi lễ hơn so với những người chỉ hoạt động ở vùng biển lặng. Sự phân biệt này càng làm rõ hơn phạm vi hoạt động của bà Thủy - với tư cách là một nữ thủy thần - đã được ngư dân và người đi biển ở các phạm vi khác nhau ngưỡng vọng và gửi gắm niềm tin tưởng.

2.2. Bà Thủy và sự phù hộ các nhu cầu đời thường khác

Một trong những di tích lớn thờ bà Thủy là dinh Bà ở Dương Đông, Phú Quốc. Theo kết quả điền dã của chúng tôi năm 2013, bên cạnh niềm tin rất mãnh liệt của ngư dân (ngư dân trước khi đi đánh cá thường đến thắp hương hoặc bái vọng Bà và Cậu - dinh Bà và dinh Cậu ở Dương Đông nằm cạnh nhau), càng ngày bà Thủy càng tỏ rõ quyền uy và sự phù hộ của mình tới các nhu cầu khác của người dân, đặc biệt là việc cầu an, giải hạn. Chị Tư, người trông coi dinh Bà Dương Đông cho tôi biết, có rất nhiều người đến đây nhờ chị thực hiện các nghi lễ cầu an, giải hạn, còn chị Lệ, người trông coi ở dinh Bà (ấp Ông Lang) còn cho biết, có nhiều người đến đây cầu bà phù hộ cho họ buôn may bán đắt. Bà Thủy, khi được đồng nhất với bà Lê Kim Định - tương truyền là phu nhân Nguyễn Trung Trực - lại còn phù hộ cho người phụ nữ sắp hạ sinh được "mẹ tròn con vuông". Bên cạnh đó, như ở nhiều di tích thờ Mẫu khác trong cả nước, việc cầu tài lộc, cầu tự đang càng ngày càng được người dân thực hành các nghi lễ ở các ngôi dinh thờ bà Thủy ở Phú Quốc. Điền dã của Dương Hoàng Lộc (2010) cho biết, ở Bến Tre, bà Thủy còn hiển linh giết chết giặc Pháp và trừng trị vị pháp sư cản trở bà phù hộ cho dân.

Sự mở rộng các phạm vi hiển linh và phù trợ của bà Thủy cho thấy niềm tin của người dân vào bà đang được mở rộng trong thời gian và không gian của người Việt ở Nam Bộ.

3. Tính linh hoạt và tính mở (chất phóng khoáng của con người Nam Bộ)

3.1. Xuất hiện song hành với một vị thần khác

Xuất hiện nhiều trong các ngôi miếu ở Nam Bộ là hai vị thần nữ: "bà Chúa Xứ" và "bà Thủy". Nghi thức thờ cúng hai vị thần nữ này có điểm giống nhau là đều có "lễ thay xiêm y" cho tượng bà. Trong các di tích thờ bà Chúa Xứ hay thờ bà Thủy đều có các tủ quần áo của bà do người dân đến lễ cúng bà. Nếu ở miếu Bà Chúa Xứ (Châu Đốc, An Giang) có hẳn một gian để các tủ quần áo của bà thì ở các miếu thờ bà Thủy, số quần áo được cúng ít hơn nhưng cũng chiếm một phần không gian ở chính điện

của di tích. Trong các lần điền dã của chúng tôi ở Phú Quốc, những người trông coi di tích đều cho biết là trước ngày lễ hội, có lễ tắm tượng và thay xiêm y cho bà. Chi tiết này chứng tỏ rằng, ở các ngôi miếu thờ bà Thủy, cốt tượng đã được thay thế cho linh vị, và sự song hành trong việc thờ tự cùng bà Chúa Xứ đã có những nét giao thoa nhất định. Khảo sát việc thờ cúng bà Chúa Xứ và bà Thủy ở Cà Mau, Nguyễn Thanh Lợi cho rằng, bà Chúa Xứ ở đây là vị thần chủ, bà Thủy chỉ là tòng tự và ở vị trí thứ yếu. Theo tôi, sự xuất hiện song hành cùng bà Chúa Xứ của bà Thủy không chứng tỏ vai trò thứ yếu của bà mà lại chứng tỏ vị trí quan trọng của một bà chúa đất (thường đồng nhất với xứ sở) và bà chúa nước - 2 yếu tố quan trọng luôn song hành trong đời sống cư dân Việt. Thậm chí, ở di tích *Chúa Xứ Thủy Tề cổ miếu* (Bạc Liêu) - ngôi miếu phối tự hai bà, trong khi tượng hai bà cùng được đặt ở gian giữa của chính điện thì truyền thuyết về bà Thủy lại có phần nổi trội hơn (22). Hơn nữa, việc thực hành các nghi thức thờ cúng bà Thủy với những nét đặc trưng và niềm tin mãnh liệt của người dân cho thấy sự độc lập và tính quan thiết của bà trong đời sống tâm linh của người Việt ở Nam Bộ.

Một sự xuất hiện song hành khác cùng bà Thủy là tín ngưỡng thờ đức Nam Hải (cá Ông). Một biểu hiện rõ nét nhất là lễ hội dinh Cô (Long Hải, Vũng Tàu). Trong ngày lễ này, nghi thức quan trọng nhất là rước Thủy Long thần nữ và Nam Hải nhập điện. Nghi thức này được người dân đón chờ và khi thuyền chở linh vị hai ngài cập bến, họ lội cả xuống nước để đón. Trong dinh Bà ở Hàm Ninh, Phú Quốc, có 2 gian thờ, một gian thờ ông Nam Hải (có bộ xương cá voi lớn) và một gian thờ bà Thủy (có cốt tượng và tủ quần áo). Sự xuất hiện song hành này cho thấy sự xích lại gần hoặc tính đậm đà của tín ngưỡng thờ thần biển trong tục thờ bà Thủy; bên cạnh đó, cũng thể hiện xu hướng thờ cặp đôi nam thần/nữ thần trong tư duy lưỡng hợp như việc phối tự thần đất/thần nước trong tục thờ bà Chúa Xứ và bà Thủy đã nói ở trên.

Một sự xuất hiện song hành thứ ba mà chúng tôi muốn nói ở đây là việc xuất hiện bà Thủy và Quan Âm trong cùng một nơi thờ tự, mà ở những nơi này, Quan Âm được biết đến bằng danh xưng Quan Âm Nam Hải. Ở dinh Bà (Ông Lang, Phú Quốc) và dinh Cửa Cạn (Phú Quốc) thờ bà lớn Lê Kim Định (tương truyền là phu nhân Nguyễn Trung Trực, được đồng nhất với bà Thủy ở dinh Bà, ấp Ông Lang) đều có tượng Quan Âm nhìn ra biển. Các nơi thờ tự thần biển khơi ở Cà Mau đều có tượng Quan Âm mà người dân ở đây tin rằng Phật Bà luôn độ cho họ được bình an và đánh bắt được nhiều tôm cá. Sự xuất hiện song hành hai vị thần/Phật này cho thấy sự xích lại gần của tín ngưỡng dân gian và Phật giáo trên cơ sở sự tương đồng của hai vị thần nữ và Phật Bà vốn rất gần gũi trong tín ngưỡng thờ nữ thần của người Việt.

3.2. Hóa thân và phối tự

Một số nhà nghiên cứu đã chỉ ra hiện tượng "hóa thân" của Thiên Ya Na vào bà Thủy (23). Sự chuyển di hình ảnh, niềm tin tưởng của một vị thần nữ vốn có nguồn gốc từ tín ngưỡng Pô Na Gar của người Chăm đã được Việt hóa thành Thiên Ya Na vào tín ngưỡng của người Việt ở Nam Bộ là sự phản ảnh của quá trình di dân từ Trung Bộ vào Nam Bộ. Sự hóa thân này cho thấy hai điều: *một là,* người dân Trung Bộ, do nhiều cơ duyên, đã đến và ở lại vùng đất Nam Bộ, mang theo hành trang tín ngưỡng của mình, và hội nhập nó với một tín ngưỡng mới có nhiều nét tương đồng; *hai là,* người Việt

Nam Bộ luôn muốn truy nguyên tính cội nguồn của niềm tin tưởng của mình, và họ đã hướng tới vị thần nữ Thiên Ya Na được thờ cúng phổ biến khắp dải ven biển miền Trung. Ông Vạn (65 tuổi, người trông coi dinh Bà Hàm Ninh, Phú Quốc) cho tôi biết niềm mong muốn mãnh liệt của người dân Hàm Ninh là tìm về cội nguồn của vị thần nữ (bà Thủy) mà họ thờ cúng và họ đã tìm thấy và ra tận Khánh Hòa để rước linh vị Thiên Ya Na về Hàm Ninh. Còn ở Vũng Tàu, tình hình hơi phức tạp hơn một chút khi vừa chứng kiến sự hóa thân của Thiên Ya Na vào bà Thủy, lại vừa chứng kiến sự đồng nhất của bà mẹ nước với bà mẹ xứ sở trong một tục thờ: "Những cư dân sống bằng nghề chài lưới và dân thương hồ đã đồng hóa Thiên Ya Na và Thủy Long thần nữ thành vị thần bảo hộ và cai quản các bến bãi, cù lao ven sông, ven biển dưới dạng Bà Chúa Xứ" (24).

Bên cạnh "sự hóa thân" của Thiên Ya Na, có sự phối tự của Thiên Hậu trong khuôn viên di tích thờ Bà Thủy ở Nam Bộ. Nguyễn Thanh Lợi đã chỉ ra sự giao thoa Việt-Hoa qua việc dẫn kết quả điều tra của Phan Thị Yến Tuyết và cho biết, ở miếu bà Thủy Long (Vĩnh Châu, Sóc Trăng), ở chính điện lại có bức hoành ghi "Thiên Hậu Thánh Mẫu" trước bàn thờ Thủy Long (25).

Như vậy, cùng với sự song hành của bà Thủy với bà Chúa Xứ, với Đức Nam Hải hay với Phật Bà Quan Âm, sự hóa thân và phối tự với các vị thần nữ khác cho thấy thêm tính mở của tín ngưỡng bà Thủy ở Nam Bộ.

3.3. Tính loại hình trong sáng tạo truyền thuyết và thực hành nghi lễ

Một điều hết sức lí thú là dù không mang tính điển chế trong nghi thức thờ cúng và không mang tính công thức của các truyện kể trong truyền thuyết/thần tích về các vị thần nữ nhưng trong tục thờ bà Thủy ở Nam Bộ đã có sự xuất hiện nghi thức và một vài truyện kể rải rác sử dụng mô típ "xác chết trôi dạt" trong các truyền thuyết về nữ thần biển ở Bắc Bộ và Trung Bộ.

Các nghiên cứu của Nguyễn Thanh Lợi, Đinh Văn Hạnh, Dương Hoàng Lộc cho biết, có nghi thức mời sư làm lễ thể hiện các sứ giả của Thủy Long vớt vong linh tử nạn trên biển được thực hành trong lễ hội ở miếu Hà Dương thờ Bà-Cậu (Hòa Khánh, Cái Bè, Tiền Giang); dinh Cô (Vũng Tàu), hay trong nghi thức làm chay vía tổ của người Hoa ở bến sông Tân Thành (khu phố 3, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa). Đặc biệt, ở dinh Cô (Vũng Tàu), đã xuất hiện một số truyền thuyết theo công thức: xác chết trôi dạt trên biển - được vớt lên thờ cúng - hiển linh rất phổ biến trong truyền thuyết về Tứ vị Thánh Nương được thờ cúng ven biển suốt Bắc và Trung Bộ.

Xin nói kỹ hơn về tục thờ bà Thủy ở một số di tích tại Bà Rịa - Vũng Tàu.

Sách *Địa chí Bà Rịa - Vũng Tàu* (2005) cho biết: Bà Rịa - Vũng Tàu có một ngôi miếu thờ bà Thủy, tên là miếu Bà Lớn. Miếu Bà Lớn có bảy bàn thờ, được làm bằng bệ xi măng, chia thành ba bậc, cao dần từ trước ra sau, bàn thờ Cửu Phật, bàn thờ Ngũ vị Nương nương, bàn thờ Cửu thiên Huyền nữ, bàn thờ Tam Ông (thờ Quan Công, Châu Xương và Quan Bình). Miếu không có tượng bà Thủy nhưng có linh vị bà đặt phía trước bàn thờ Ngũ vị Nương nương; ngoài ra còn bàn thờ Hữu ban và Tả ban, gian thờ Tiền hiền Hậu hiền và Tiền giản Hậu giản. Bản thân ngôi miếu này không phải là một di tích lớn ở Long Hải nhưng vị thần nữ của ngôi miếu này lại bị hút vào một trung tâm thờ tự khác, thậm chí, trở thành linh hồn của một lễ hội lớn

của Long Hải là lễ hội dinh Cô. Dinh Cô thờ một vị nữ hải thần có lai lịch và hành trạng cụ thể, tuy được kể trong 4 truyền thuyết nhưng có một điểm trung tâm là mô típ người nữ chết trên biển, trôi dạt vào bờ, được thờ cúng (26). Dinh Cô không thờ bà Thủy (27) nhưng trong lễ hội *Vía Bà Cô* của dinh, linh vị bà Thủy là một trong 3 linh vị được rước để nhập điện (bà Thủy, ông Nam Hải, thành hoàng bổn cảnh). Theo Đinh Văn Hạnh, lễ rước này rất được người dân tham dự lễ hội đón chờ: "Hàng ngàn ngư dân đứng trên bờ chờ đón đoàn nghinh trên biển trở về. Họ ùa ra dù nước rất sâu. Hàng ngàn người quay mặt về phía Linh vị được chuyển từ ghe xuống (và trong suốt chặng đường rước Linh vị nhập điện). Họ vái lạy, khẩn cầu. Những người may mắn đứng gần như muốn ùa tới Linh vị. Họ mong muốn được chạm tay lên Linh vị để sau đó thoa lên đầu, lên ngực mình với niềm tin đón nhận sự may mắn, hạnh phúc. Nếu không có lực lượng bảo vệ dày đặc thì Chánh bái và Phó bái khó lòng đưa được Linh vị lên bờ" (28). Trong số những người tham gia lễ hội, có rất nhiều ngư dân/hải dân. "Người dân Long Hải và ngư dân các làng cá ven biển Bà Rịa - Vũng Tàu mà còn có cả ngư dân từ Phan Rang, Phan Rí, Phan Thiết đến ngư dân Bến Tre, Gò Công, Trà Vinh, Cà Mau, Rạch Giá... Ngư dân phải sắp xếp, tính toán thời gian thích hợp để chuyến đi biển không làm lỡ dịp chiêm bái Cô trong ba ngày diễn ra lễ hội. Và cũng không phải chỉ có ngư dân về dự. Nhiều người dân từ thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương...". Cách bài trí, vị trí thờ, nghi thức thờ cúng và lễ hội dinh Cô cho thấy một mặt, vai trò lớn của bà Thủy đối với sự thờ cúng và ngưỡng vọng của ngư/hải dân địa phương; mặt khác, đã diễn ra trong thời gian một sự kết nối chặt chẽ giữa di tích có vị trí thu hút và hấp dẫn (dinh Cô) với một vị thần có tính linh thiêng và quyền uy (bà Thủy) được thờ ở di tích khác nhằm làm tăng tính thiêng cho di tích dinh Cô và nhằm làm thỏa mãn những người tham dự lễ hội dinh Cô. Hơn nữa, ở đây còn diễn ra một sự kết nối khác giữa tục thờ cúng một vị thần dân dã, vô nhân xưng, không lai lịch hành trạng nhưng rất linh thiêng và gần gũi với người dân sở tại (bà Thủy ở Nam Bộ), với một vị thần được hình dung theo công thức truyền thuyết mà các di dân miền Trung mang theo trong quá trình di cư của mình tới vùng đất mới (cô Hồng bị chết đuối trên biển) (Tài liệu nghiên cứu của Đinh Văn Hạnh cũng cho biết, các ngư dân các làng nghề từ Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên... trên đường đi đánh bắt hải sản đã dừng chân nơi đây ở các thế kỷ XVII-XVII. Cho đến giữa thế kỷ XIX, Long Hải vẫn chưa có ruộng đất thực canh thực cư, dân cư lưu tán chưa có địa phận, vì họ sống chủ yếu bằng nghề đánh cá (theo *Địa bạ* nhà Nguyễn). Đây có thể coi là nguyên nhân chính khiến cho sự móc nối giữa các công thức truyện kể, nghi thức thờ cúng phổ biến ở Trung Bộ vào vùng đất mới Nam Bộ. Tuy nhiên, tính công thức và điển chế rất mạnh ở Trung Bộ đã trở nên khá nhạt nhòa trong vùng đất mới Nam Bộ, nơi mà tục thờ cúng bà Thủy vẫn giữ được vẻ nguyên sơ với tính linh hoạt, tính ngẫu hứng, tính phóng khoáng của mình.

3.4. Việc thu nhận các diễn xướng nghi lễ

Từ góc độ diễn xướng nghi lễ, có thể nói, tục thờ bà Thủy có các hình thức diễn xướng khá đơn giản. Đó là việc cúng tế của cư dân đi biển khi bắt đầu chuyến đi, việc lễ tạ khi trúng mùa, thủ tục tắm tượng và thay xiêm y cho bà trước ngày lễ hội, việc tập trung ngư dân và gần đây là cả nông dân, thương nhân,

khách hành hương...về tham gia lễ hội thờ bà. Có thể thấy phần lễ ở đây lấn át phần hội. Tuy nhiên, ở một số nơi thờ bà Thủy, đã có sự du nhập các nghi thức diễn xướng dân gian ở một số tục thờ cúng khác mà tiêu biểu là nghi thức múa bóng rỗi của tục thờ Ngũ Hành nương nương và nghi thức hầu đồng của Mẫu Tứ Phủ.

Diễn xướng của tục thờ Ngũ Hành nương nương

Trong tục thờ Ngũ Hành nương nương, sau các thủ tục cúng tế là việc trình diễn một nghi thức mang đậm yếu tố văn hóa Chăm là múa bóng rỗi. Đây là những diễn xướng dân gian tổng hợp vừa có yếu tố nghi lễ (múa dâng bông, dâng mâm vàng lên Bà) vừa mang đậm tính nghệ thuật và giải trí (các màn trình diễn tạp kỹ). Nghi thức diễn xướng này đã xuất hiện trong một số lễ hội ở các di tích thờ bà Thủy (lễ hội miếu An Thạnh, Bến Tre - theo Dương Hoàng Lộc; lễ hội dinh Cô, Vũng Tàu - theo Đinh Văn Hạnh; lễ hội dinh Bà Dương Đông, Phú Quốc - điền dã của chúng tôi năm 2013...).

Hầu đồng

Hầu đồng, một nghi thức diễn xướng tổng hợp của tín ngưỡng Tứ Phủ, đã bắt đầu xuất hiện ở một số nơi thờ bà Thủy. Tháng 10 năm 2013, các thanh đồng ở Hà Nội, Hải Phòng đã có buổi trình diễn nghi thức hầu đồng tại dinh Bà Dương Đông (Phú Quốc). Quan sát buổi trình diễn này, chúng tôi nhận thấy sự hưởng ứng nhiệt thành của người tham dự. Chị Tư (người trông coi dinh Bà) cho chúng tôi biết, bóng rỗi đã được trình diễn một lần tại dinh Bà, còn hầu đồng thì đây là lần đầu tiên. Thực ra, vẫn còn một số e ngại trong tiếp nhận nghi thức diễn xướng mới mẻ này của một vài người trong ban quản lý di tích (mà ở đây gọi là Hội Dinh Bà), nhưng người dân thì nhanh chóng bị cuốn hút vào các màn trình diễn mang đậm tính tâm linh và tính nghệ thuật, cùng các màn phát lộc đậm đà niềm vui trần tục trong các vấn hầu đồng kéo dài tới tận nửa đêm.

Mặc dù các nghi thức diễn xướng này đang dần được người tham dự lễ hội bà Thủy làm quen và hưởng ứng nhưng, theo sự quan sát của chúng tôi, các nghi thức này vẫn chưa "nhập" vào như một trình thức không thể thiếu được của nghi thức thờ cúng bà Thủy. Bóng rỗi và hầu đồng chỉ mới được trình diễn ở một số không nhiều di tích thờ bà Thủy và hầu như vẫn là một nghi thức mang tính "hội" không mang tính bắt buộc và không lấn át phần nghi thức cúng tế khá đơn giản, vốn đã được người dân Nam Bộ chấp nhận và thực hành từ trước đến nay.

Kết luận

Thông qua việc điểm các tài liệu đã được các nhà nghiên cứu thống kê, phân tích và qua những quan sát của chúng tôi ở một số di tích thờ cúng bà Thủy ở Nam Bộ, chúng tôi đi đến một số kết luận bước đầu như sau:

Dù có mối liên quan chặt chẽ đến tục thờ bà Ngũ Hành nương nương (về di tích, cách bài trí, nghi thức thờ cúng, diễn xướng lễ hội) và tín ngưỡng Tứ Phủ (Mẫu Thoải ở Bắc Bộ hay Thủy phủ Long cung Thánh Mẫu ở Trung Bộ) nhưng về bản chất, tục thờ bà Thủy là một tín ngưỡng dân dã, hình thành trong cuộc sống của người dân Nam Bộ trên vùng đất mới. Trong thời gian và ở các phạm vi không gian khác nhau trên vùng đất Nam Bộ, đã có lúc, tục thờ này thu nhận những ảnh hưởng mạnh mẽ của các tục thờ khác nhưng vẫn giữ nguyên những nét bản sắc của mình. Nét bản sắc này chính là sự thể hiện sự hồn nhiên, cởi mở, phóng khoáng đặc trưng của người Việt ở Nam Bộ,

dù trải qua nhiều biến động và hội nhập nhưng vẫn không phai nhạt.

Là một biểu hiện mạnh mẽ của tín ngưỡng thờ đa thần của người Việt, tục thờ bà Thủy đang có sự chuyển biến từ tục thờ nữ thần nước (thủy thần) sang nữ thần biển (hải thần) mà trong bối cảnh hướng ra biển của người Việt hiện nay, bà đang càng được ngưỡng vọng, và vì thế, các nghi thức thờ cúng và lễ hội thờ bà càng ngày càng phong phú và sôi động hơn.

Cũng như các tục thờ khác trong tín ngưỡng đa thần, tục thờ bà Thủy đang có những chuyển mình rõ rệt, từ sự thờ cúng thần tự nhiên một cách tự phát, đến các nghi lễ có hệ thống. Khảo sát di tích, truyền thuyết, tục thờ cúng và lễ hội một số dinh bà Thủy ở Phú Quốc, trong một bài viết, chúng tôi nhận thấy tục thờ bà Thủy đang có xu hướng mở và hướng tới tính hệ thống của tín ngưỡng Tứ Phủ, nhưng đó sẽ là một hệ thống mang đậm sắc thái Nam Bộ mà trong đó, tính phi điển chế, tính phóng khoáng phi công thức sẽ là một nét đặc trưng nổi trội./.

T.T.A

---

1. Ngô Đức Thịnh (2005), "Thờ Mẫu và hình thức múa bóng, hầu bóng ở Nam Bộ", Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 1, Hà Nội.

2. Dương Hoàng Lộc (2010), "Tín ngưỡng thờ bà Thủy của cộng đồng ngư dân An Thủy (huyện Ba Tri - tỉnh Bến Tre)", Tạp chí *Nguồn sáng dân gian*, số 2.

3. Nguyễn Thanh Lợi (2010), "Tín ngưỡng thờ Đại Càn ở Nam Bộ", Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11.

Nguyễn Thanh Lợi (2004), "Tín ngưỡng thờ nữ thần ở Bà Rịa - Vũng Tàu", *Tìm hiểu đặc trưng di sản văn hóa văn nghệ dân gian Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội.

4. Võ Thanh Bằng (2008) (chủ biên), *Tín ngưỡng dân gian ở thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 442 tr.

5. Phan Thị Yến Tuyết (2014), *Đời sống xã hội - kinh tế - văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ*, Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 574 tr.

6. Nguyễn Hữu Thông (2013), "Vị trí của "Thủy Long thần nữ" trong hệ thống tín ngưỡng thờ thủy thần của người Việt", In trong *Văn hóa thờ nữ thần - Mẫu ở Việt Nam và ở châu Á: bản sắc và giá trị*, Nxb. Thế giới, H., tr. 431; Nguyễn Thanh Lợi (2013), "Tín ngưỡng thờ bà Thủy Long ở Tây Nam Bộ", Hội thảo *Văn hóa tín ngưỡng Mẫu Thoải - Thủy Long Thánh Mẫu*, Phú Quốc, 8/2013.

7. Huỳnh Ngọc Trảng (2013), *Truy nguyên tín ngưỡng thờ cá voi / Ông Nam Hải*, Tạp chí Kiến thức ngày nay, số 824, ngày 1/7. Dẫn theo Nguyễn Thanh Lợi (2013), Nguyễn Thanh Lợi,, "Tín ngưỡng thờ bà Thủy Long ở Tây Nam Bộ", Hội thảo *Văn hóa tín ngưỡng Mẫu Thoải - Thủy Long Thánh Mẫu*, Phú Quốc, 8/2013.

8. Phan Yến Tuyết (2014), sđd, tr.393.

9. Huỳnh Ngọc Trảng và Trương Ngọc Tường 1999, *Đình Nam Bộ xưa và nay*. Dẫn theo Dương Hoàng Lộc, Tạp chí *Nguồn sáng dân gian* số 2/2010, bđd.

10. *Ba dạng thức thờ Mẫu của người Việt*, nguồn: http://www.vanhoahoc.vn.

11. Nguyễn Xuân Hương (2009), *Tín ngưỡng cư dân ven biển Quảng Nam - Đà Nẵng: Hình thái, đặc trưng và giá trị*, Nxb. Từ điển Bách khoa & Viện Văn hoá, tr. 117.

12. Nguồn: Internet: Hàm Anh, *Ngũ vị nương nương*, Báo Người Việt online.

13. *Tục thờ bà Thủy*, Nguồn: http://baocamau.com.vn/newsdetails.aspx?id=9&newsid=10017.

14. Phan Thị Yến Tuyết (2014), sđd, tr. 392.

15. Nguồn: http://www.vanchuongviet.org/index.php?comp=tacpham&action=detail&id=18321.

16. Phan Thị Yến Tuyết (2014), sđd, tr.394.

17. Nguyễn Thanh Lợi (2013), *Tín ngưỡng thờ bà Thủy Long ở Tây Nam Bộ*, bđd.

18. Dương Hoàng Lộc (2010), bđd.

19. Trần Kiều Quang: "Gian chính điện được chia làm ba gian. Gian giữa là bàn thờ của hai vị

Chúa Xứ và Thủy Tề. Tượng hai vị thần này cao lớn, được phục sức lộng lẫy, đặt trong khánh thờ. Trên khánh thờ có buông rèm, trang trí hoa văn, họa tiết làm cho ngôi miếu càng mang vẻ tôn nghiêm hơn".

(Nguồn:http://www.thesaigontimes.vn/104053/Mieu-ba-Chua-xu-Thuy-Te.html)

20. Thạch Phương & Nguyễn Trọng Minh (chủ biên) (2005), *Địa chí Bà Rịa - Vũng Tàu,* Nxb. Khoa học Xã hội, H, tr. 1027.

21. B. Malinowski (1922), *Những con bạch tuộc ở Tây Thái Bình Dương (Argonauts of Western Pacific),* London: Routledge and Kegan Paul.

22. Trần Kiều Quang: "Truyện kể rằng, ngày xưa, có nhóm ngư dân giong thuyền ra biển đánh cá, bỗng dưng gặp cơn giông bão, thuyền có nguy cơ bị đắm, các ngư dân trên thuyền hết lòng cầu nguyện, cầu bà Chúa Xứ, bà Thủy Tề có linh thiêng hãy phù hộ độ cho họ được tai qua nạn khỏi. Mặc dù mưa gió bão bùng, thuyền của các ngư dân này chỉ chao đảo chứ không chìm, lần hồi chống chọi với cơn bão, thuyền của họ cũng cập bến an toàn. Họ tin rằng, mình được an toàn là do bà Chúa Xứ, bà Thủy Tề phù hộ nên kêu gọi dân làng gom góp tiền bạc, công sức xây dựng ngôi miếu ở nơi thuyền họ cập bến an toàn. Từ đó, nơi đó có ngôi miếu Chúa Xứ Thủy Tề cho đến nay" (tlđd).

23. Phan Thị Yến Tuyết (2014), sđd, tr.394, Nguyễn Thanh Lợi (2013), "Tín ngưỡng thờ bà Thủy Long ở Tây Nam Bộ", Hội thảo *Văn hóa tín ngưỡng Mẫu Thoải - Thủy Long Thánh Mẫu,* Phú Quốc, 8/2013; Trong chuyến điền dã của Trần Thị An ở Dinh Bà Hàm Ninh (6-2013), ông Vạn cho biết, bà chính là Thiên Ya Na từ miền Trung đi vào.

24. *Địa chí Bà Rịa - Vũng Tàu,* sđd, tr. 618.

25. Nguyễn Thanh Lợi (2014), *Một góc nhìn về văn hóa biển,* Nxb. Tổng hợp, thành phố Hồ Chí Minh.

26. Có 4 truyền thuyết đều có mô típ trung tâm là người con gái trẻ chết trên biển, được thờ cúng: a) *Đại Nam nhất thống chí*: Cô là một người con gái chừng 17, 18 tuổi, bị bão gạt đến, được người địa phương chôn cất, sau đó hiển linh như thần nên dân lập đền thờ (tập 5, Thuận Hóa, 1992, tr.49); b) Người Phan Rang không theo cha mẹ về quê, bị chết trên biển, dạt vào bờ, c) Cô tên là Lê Thị Hồng, tục là Thị Cách, quê ở Tam Quan, Bình Định, giàu lòng nhân ái, thích sống ẩn dật. Trong một lần ra biển Cô bị lâm nạn (tại Hòn Hang) khi vừa tròn 16 tuổi. Cô mất cách nay chừng hai thế kỷ. Ngư dân đã chôn cất Cô trên đồi Cô Sơn và lập miếu thờ ngoài bãi biển. Năm 1930, miếu thờ Cô được chuyển về vị trí hiện nay; d) Cô là liên lạc viên của nghĩa quân Tây Sơn, khi qua đây bị đắm thuyền (hoặc bị quân nhà Nguyễn giết chết), dân lập miếu thờ.

27. Dinh Cô Long Hải có một hệ thống ban thờ rất phong phú, thuộc nhiều hệ thống, gồm: tượng Bà Cô (mặc áo choàng đỏ, bài vị ghi: "Thánh nữ nương nương" và "Long Hải thần nữ"), Cửu huyền Thất tổ của Bà Cô, bố, mẹ Cô, Chúa Cậu (nhị vị Công tử, tức là Cậu Tài, Cậu Quý), Ngũ hành Nương nương (với các áo choàng màu trắng, xanh, đen, đỏ, vàng tương ứng với Ngũ hành Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ), Hỏa tinh Thánh mẫu, Mẹ Sanh, Vạn bang Hội đồng, Diêu trì Phật mẫu, Tứ Pháp Nương nương (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện), Ông Địa và Thần Tài, Tiền hiền Hậu hiền (tiền hiền theo quan niệm của ngư dân Long Hải là những người trong ban nghi lễ, có công đóng góp xây dựng dinh Cô và thờ phượng Cô. Danh sách chư vị Tiền hiền có 8 người, hậu hiền là những người có công đóng góp, làm công quả trong dinh Cô trong những thời kỳ tiếp sau đó), Quan Thế Âm Bồ Tát. Chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong tập hợp thần linh này, ta không thấy ban thờ hay linh vị bà Thủy. Nhưng thực ra, dinh Cô lại có liên hệ hết sức mật thiết với bà Thủy và tục thờ bà Thủy.

28. Đinh Văn Hạnh và Phan An (2004), *Lễ hội dân gian của ngư dân Bà Rịa - Vũng Tàu,* Nxb. Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, 232 tr.

Tài liệu tham khảo khác

1. Nguyễn Hữu Thông (chủ biên) 2001: *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Trung Việt Nam,* Nxb. Thuận Hóa, 342 tr.

2. Nguyễn Ngọc Thơ, *Tín ngưỡng Thiên Hậu tại Nam Bộ Việt Nam,* Website của khoa Văn hóa học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nhiều tác giả (2008), *Văn hóa biển miền Trung và văn hóa biển Tây Nam Bộ,* Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 688 tr.

Trần Thị An: ***Identity of the Southern region reflected through the custom of worshiping Goddess - a case study of Mrs Thủy***

Being a female deity worshipped in many ritual forms in various religious places, "bà Thủy" is very familiar to the people in the south. The article examines development of her worshipping in the history through the title, tales, worshipping places, worship ritual ceremony; identifies the core elements of "Southern identity" in a "non-classic mode", "flexibility and openness", "connection to the spiritual life"; and at the same time, points out the transformation of the religion in the contemporary context.

Key words: Ritual, Mrs Thủy worshiping, identity, "non-classic mode", flexibility.

THỊ HIẾU - THỊ TRƯỜNG VỚI VĂN MINH ĐÔ THỊ

(tiếp theo trang 34)

2. Huỳnh Quốc Thắng: "Vấn đề văn hóa đô thị và nội dung phác thảo của ngành Văn hóa học đô thị"; Tham luận hội thảo "Văn hóa đô thị" do Sở Văn hóa Thông tin thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Trung tâm Nghiên cứu phát triển đô thị tổ chức tháng 8/2002.

Tài liệu tham khảo chính

1. Đỗ Long - Trần Hiệp (1993), *Tâm lý cộng đồng làng và di sản*; Nxb. Khoa học xã hội; Hà Nội.

2. Nhiều tác giả (2002), *Đô thị hóa khủng hoảng sinh thái và phát triển bền vững*, Nxb. Trẻ.

3. Emily A. Schultz - Robert H. Lavenda (1995), *Anthropology - A Perspective on the Human Condition,* Mayfield pub. Comp., California.

4. Hồ Bá Thâm (2011), *Phát triển đồng bộ và tương xứng văn hóa với kinh tế,* Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

5. Lê Như Hoa (2000), *Quản lý văn hóa đô thị trong điều kiện công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước*; Viện Văn hóa và Nxb. Văn hóa Thông tin; Hà Nội.

6. Lê Thanh Sang (2008), *Đô thị hóa và cấu trúc đô thị Việt Nam trước và sau đổi mới 1979-1989 và 1989-1999,* Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

7. Hoàng Vinh (1999), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn hóa ở nước ta,* Viện Văn hóa - Nxb. Văn hóa Thông tin; Hà Nội.

8. Viện Sử học - Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1989), *Đô thị cổ Việt Nam*; Hà Nội.

9. Viện Thông tin Khoa học Xã hội - Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn (2000), *Văn hóa học và văn hóa thế kỷ XX*, Hà Nội.

10. Lê Như Hoa (1996), *Lối sống đô thị miền Trung mấy vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Văn hóa Thông tin.

Huỳnh Quốc Thắng: ***Preference - market with urban civilization***

From culturology and inter-disciplinary social sciences perspectice the paper generalizes some rules and interaction between objective and subjective factors of human and social development in the urbanization process, esspecially in the industrialization - modernization and deppy international integration of Vietnam today.

Key words: Preference, market, urban civilization.